

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 56/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 05-7-2017

V/v “không công nhận vợ chồng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lưu Thị Kiên

2. Bà Trần Thị Kim Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 521/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2017 về “Không công nhận vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2017/QĐXX ngày 20 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị A, sinh năm: 1977; địa chỉ: Số nhà 3, đường Nguyễn Trãi, khu phố 1, phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm: 1960; địa chỉ: Số nhà 3, đường Nguyễn Trãi, khu phố 1, phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn ngày 29 tháng 5 năm 2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị A và anh B tự nguyện sống chung với nhau năm 2002, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, anh B có đi làm phụ giúp tiền bạc chăm lo cho gia đình. Khoảng năm 2007 cho đến nay anh B bắt đầu uống rượu, không đi làm. Mỗi lần uống rượu vào là quậy phá, chửi mắng chị nên giữa vợ chồng thường xuyên gây gổ, cãi vã nhau. Tình trạng đó kéo dài đã quá sức chịu đựng của chị A, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị A yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh B.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc C, sinh ngày: 18/6/2003. Hiện nay con chung đang ở với tôi. Trường hợp Tòa án tuyên bố không công nhận vợ chồng, chị xin nuôi con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B được quyền thăm nom con chung, chị không cản trở.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Theo biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2017, quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh và chị A chung sống với nhau từ năm 2002, có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống vợ chồng anh hạnh phúc, giữa vợ chồng không có mâu thuẫn, anh không biết lý do vì sao chị A lại làm đơn không công nhận vợ chồng. Do chị A làm đơn ly hôn ra Tòa nên hiện nay anh cũng không còn tình cảm vợ chồng với chị A. Anh đồng ý không công nhận vợ chồng theo yêu cầu của chị A.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Ngọc C, sinh ngày: 18/6/2003. Hiện nay con chung đang ở cùng với anh chị. Trường hợp Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng, anh đồng ý giao con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh B sẽ có trách nhiệm với con chung. Anh được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị A yêu cầu tòa án không công nhận vợ chồng với anh Nguyễn Văn B, được quyền nuôi con chung; cùng trú tại: Số 3, đường Nguyễn Trãi, khu phố 1, phường 4, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Đây là vụ án “Không công nhận vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh B tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2002 cho đến nay không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng khoảng từ năm 2007 đến nay thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B hay uống rượu, không chịu đi làm

phụ giúp tiền bạc chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Hiện nay chị A và anh B không còn tình cảm. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh chị thống nhất đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng. Căn cứ vào Điều 9, 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị A và anh B.

[3] Về con chung: Trong quá trình sống chung anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc C, sinh ngày: 18/6/2003. Ghi nhận anh chị thống nhất giao con chung cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Nguyễn Ngọc C xin được ở với mẹ. Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt giải quyết.

[6] Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh đề nghị: Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B. Giao 01 con chung tên là Nguyễn Ngọc C, sinh ngày: 18/6/2003 cho chị A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở; về tài sản chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không giải quyết. Về nợ chung anh chị không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm chị A phải chịu theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị A yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị A và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị A được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Nguyễn Ngọc C, sinh ngày: 18/6/2003. Ghi nhận chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí sơ thẩm dân sự nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp theo biên lai thu số 0004192 ngày 09/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị A đã nộp xong án phí.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSNDTP. Tây Ninh;
- CCTHADSTP. Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Thị Bích Hằng